TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2017/HNGĐ – ST
Ngày: 13-9-2017
"V/v Tranh chấp: Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Quang Liêu và bà Hồ Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng– là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 209/2017/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017, về việc tranh chấp " Ly hôn, nuôi con".Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2017/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa:

- *Nguyên đơn:* chị Hà Thị T, sinh năm: 1985
- *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1988
Cùng địa chỉ: Khu ĐL, TTr ĐP, huyện B, tỉnh Bình Phước.
(Nguyên đơn chị T có mặt tại phiên tòa, bị đơn anh T1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh T1 tự nguyện chung sống từ năm 2010, đến ngày 26/3/2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐP, huyện B, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu chị và anh T1 chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T1 thường xuyên uống rượu, chơi đánh bạc về nhà đánh đập chị. Ngoài ra, anh T1 còn có quan hệ ngoại tình với người khác, dẫn đến vợ chồng chị thường xuyên xảy ra cải vã, xô xát lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, hiện nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: chị và anh T1 có 02 người con chung, họ tên: Nguyễn Hà Minh Đ, sinh năm 2011 và Nguyễn Hà Hoài P, sinh năm 2015. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu. Chị yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng cho đến khi các cháu thành niên.

Chị T chứng minh quyền nuôi con: chị hoàn toàn có khả năng trực tiếp nuôi dưỡng các cháu vì chị có công việc ổn định, có thu nhập ổn định hàng tháng, có nơi ở ổn định, ngoài ra còn có thu nhập thêm từ cây cao su. Về thời gian chị T chăm sóc các cháu Đvà P: Công việc của chị sau 15 giờ hàng ngày là kết thúc, chị có nhiều thời gian để đón các cháu đi học về và chăm sóc các cháu. Chị và anh T1 sống ly thân được khoảng gần 02 tháng nay thì hai cháu Đ và P đều ở với chị. Hiện nay chị đã hoàn tất thủ tục nhập học cho các cháu và các cháu đã bắt đầu đi học ổn định. Ngoài ra, chị T không chứng minh gì thêm.

Về tài sản và nợ: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Tại các biên bản lời khai, biên bản hòa giải bị đơn anh T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh đồng ý với lời trình bày của chị T về thời gian anh và chị T chung sống là tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 26/3/2015 tại UBND TTr ĐPhong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu anh và chị T chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh thừa nhận có uống rượu, có đánh bạc, dẫn đến vợ chồng có xảy ra cải vả, xô xát, tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: anh và chị T có 02 người con chung, họ tên: Nguyễn Hà Minh Đ, sinh năm 2011 và Nguyễn Hà Hoài P, sinh năm 2015. Tại bản tự khai ngày 17/7/2017 và biên bản lấy lời khai đương sự ngày 17/7/2017 thì anh T1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng một trong hai cháu Đ hoặc P. Tại biên bản hòa giải ngày 09/8/2017 thì anh T1 có nguyện vọng được trực tiếp trông nom chăm sóc nuôi

dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Hà Hoài P. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T.

Anh T1 chứng minh quyền nuôi con: Sau khi ly hôn thì anh đưa cháu P về quê nội tức là về nhà mẹ đẻ của anh ở tỉnh Quảng Nam và nhờ mẹ anh chăm sóc con cho anh đi làm, trường học ở gần nhà nên thuận tiện cho việc mẹ anh đưa đón cháu đi học. Nghề nghiệp của anh làm nghề thợ xây, ai có nhu cầu xây dựng thuê anh thì anh làm, thu nhập trung bình mỗi tháng 7.000.000đ. Nhà ở thì anh ở cùng với mẹ anh, nhà ở là tài sản của mẹ anh, sau này mẹ anh chết thì anh là người thừa kế tài sản của mẹ anh.

Về thời gian anh T1 chăm sóc con: Công việc của anh sau 17 giờ hàng ngày là kết thúc, sau đó thì anh mới có thời gian chăm sóc con. Anh T1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Về tài sản và nợ: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

- Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phần tranh luận. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T. Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh T1; Về con chung: Giao hai cháu Đ và P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đ mỗi tháng cho mỗi cháu; Về tài sản nà nợ: không có, không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: chị T phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST, anh T1 phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện chung sống năm 2010 và đăng ký kết hôn vào ngày 26/3/2015 tại UBND TTr ĐPhong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Giữa chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn hợp pháp. Hiện nay, chị T và anh T1 đều đang cư trú tại Khu ĐL, TTr ĐP, huyện B, tỉnh Phước Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa chị T và anh T1 là tranh chấp về hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 26/3/2015 tại UBND TTr ĐPhong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình chung sống, anh T1 và chị T đều thừa nhận phát sinh nhiều mâu thuẫn là do các bên không hòa hợp với nhau trong cuộc sống hàng ngày, tại các biên bản lời khai, hòa giải anh T1 thừa nhận bản thân anh có uống rượu, có đánh bạc, dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, xô xát nên hạnh phúc gia đình không có. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng anh, chị đã sống ly thân một thời gian, trong thời gian sống ly thân thì giữa anh chị mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị T là chị Hà Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

[3] Về nuôi con chung: chị T và anh T1 có 02 người con chung, họ tên: Nguyễn Hà Hoài P, sinh ngày 15/02/2015 và Nguyễn Hà Minh Đ, sinh ngày 30/8/2011. Tại phiên tòa nguyên đơn chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu Đ và P. Tại biên bản lời khai anh T1 có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục một trong hai cháu Đ hoặc P và tại biên bản hòa giải thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hà Hoài P.

Xét thấy, theo quy định của luật hôn nhân gia đình thì sau khi ly hôn cha, mẹ phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên và theo quy định của Luật bảo vệ và chăm sóc trẻ em thì trẻ em có quyền sống chung với cha mẹ; Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu thì trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã thông báo yêu cầu chị T và anh T1 cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền nuôi con của anh chị. Phía chị T đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu gồm bảng lương, danh sách nhận tiền trực trưa, làm công tác khác, đơn xác nhận nhà ở hợp pháp, giấy biên nhận nhập học cho hai cháu Đvà P. Phía anh T1 không cung cấp giấy tờ, tài liệu gì. Xét thấy, chị T có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập ổn định, có nơi ở ổn định hoàn toàn đảm bảo điều kiện về vật chất để chăm sóc các cháu. Phía anh T1 có nghề nghiệp là thợ xây, anh làm nghề tự do, ai có nhu cầu xây dựng thuê anh thì anh làm, anh trình bày sau khi ly hôn anh sẽ đưa cháu P về quê nội ở cùng với bà nội tức là mẹ ruột của anh ở tỉnh Quảng Nam, anh nhờ mẹ anh chăm sóc đưa đón cháu P đi học để cho anh đi làm, anh chưa có nhà riêng, anh cho rằng sau này mẹ anh chết sẽ thừa kế nhà ở cho anh tuy nhiên hiện nay anh không có tài liệu gì chứng minh cho lời trình bày của anh. Theo quy định của pháp luật việc chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ em không chỉ đảm bảo về điều kiện vật chất mà còn phải đảm bảo điều kiện cả về tinh thần cho các cháu để các cháu phát triển toàn diện. Xét về thời gian chăm sóc các cháu thì công việc của chị T làm cấp dưỡng ở trường mầm non, sau 15 giờ hàng ngày là chị đã về nhà, còn phía anh T1 làm nghề thợ xây,

khoảng thời gian sau 17 giờ hàng ngày anh mới về nhà. Như vậy, phía chị T công tác ổn định, chị có nhiều thời gian gần gũi, chăm sóc cho các cháu hơn anh T1. Mặt khác, hiện nay các cháu Đvà P còn nhỏ rất cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ, điều này được thể hiện qua việc trong thời gian chị T và anh T1 sống ly thân, trong thời gian này thì hai cháu Đvà P đều ở với chị T, chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, các cháu vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, chị T cũng đã làm thủ tục nhập học cho các cháu và hiện nay các cháu đã đi học. Xét thấy, cần phải đảm bảo sự ổn định cho các cháu và không cần thiết phải thay đổi sự ổn định này. Từ những phân tích nêu trên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị T là giao cả hai cháu Nguyễn Hà Minh Đ và Nguyễn Hà Hoài P cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng để chị nuôi dưỡng hai cháu Đvà P mỗi cháu số tiền 1.000.000đ/tháng. Xét thấy, theo quy định tại Điều 82 của luật hôn nhân và gia đình thì cha mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Phía anh T1 có nghề nghiệp, có thu nhập, tại bên bản lời khai anh T1 trình bày anh thu nhập trung bình 7.000.000đ/tháng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T là cần buộc anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho mỗi con chung là 1.000.000đ/tháng cho đến khi các cháu thành niên là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Tại phiên tòa quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, bị đơn anh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T là chị Hà Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

2. Về nuôi con chung: Giao các cháu Nguyễn Hà Hoài P, sinh ngày 15/02/2015 và Nguyễn Hà Minh Đ, sinh ngày 30/8/2011 cho chị Hà Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh T1 có nghĩa vụ đóng góp nuôi các cháu Nguyễn Hà Minh Đ và Nguyễn Hà Hoài P số tiền 1.000.000đ mỗi tháng cho mỗi cháu. Việc cấp dưỡng được bắt đầu thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đ, cháu P thành niên.

4.Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5.Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

6.Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ theo Biên lai số 0021405, ngày 13/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Anh Nguyễn Văn T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CC THADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã (TTr);
- Đương sự;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hà